TÒA ÁN NHÂN DÂN Q GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Ha phúc

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v tranh chấp chia thừa kế, đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q GÒ VẤP-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Lê Thị Chí

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Dương Thị Thảo Nguyên - *Thư ký tòa án nhân dân Q Gò Vấp.*

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân Q Gò Vấp tham gia phiên Tòa*: Bà: Lê Thị Th P – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Q Gò Vấp Thành phố Hồ Chí M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 08 năm 2018 về: "Tranh chấp chia thừa kế, đòi lại tài sản" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 146/2021/QĐXX-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021; Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 138/2021/QĐ-HPT ngày 08/7/2021. Do dịch bệnh Covid-19 Thành phố Hồ Chí M thực hiện chỉ thị 16/CT-TT ngày 31/3/2020 bắt đầu từ ngày 09/7/2021 nên các đương sự vắng mặt hợp lệ, vụ án kéo dài tới nay xét xử lại theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022. Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐ-HPT ngày 03/3/2022 giữa các đương sự ::

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1960; Địa chỉ: A đường L, phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Ông Bùi Văn Mạc - luật sư văn phòng luật sư Bùi Văn Mạc (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số A đường L, Phường 6, Q Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí M (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951 (chết năm 2006);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông V:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyệt Th, sinh năm 1956 (vợ ông V – có đơn xin vắng mặt) ;

2/ Em Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1982 (con ông V – có đơn xin vắng mặt);

3/ Em Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1984 (con ông V – có đơn xin vắng mặt);

4/ Em Nguyễn Ngọc Thủy Ti, sinh năm 1990 (con ông V – có đơn xin vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số 499/25/1 đường Lê Quang Đ, Phường 01, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số 12 đường số 27, Phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M;

Người đại diện theo ủy quyền của ông M - ông Nguyễn Hồ Phi Hải theo giấy ủy quyền số 017345 ngày 18/9/2018 tại phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí M (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Lệ S, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 58/3 đường số 27, Phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Có mặt)

4. Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1958 (Có mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1982

6. Chị Nguyễn Thị Kim Ha, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Hồng Cúc, sinh năm (Vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Thanh Tu, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

9. Cháu Nguyễn Anh Tu sinh năm 2002 (Vắng mặt)

10. Cháu Nguyễn Anh Tú, sinh năm 2011 (Vắng mặt)

11.Trần Nguyễn Ho Lo, sinh năm 2012 (Vắng mặt)

12. Cháu Trần Nguyễn Anh Tư, sinh năm 2015 (Vắng mặt)

13. Cháu Trần Ngọc Ng, sinh năm 2014 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 54/5 (Số mới 58/7) đường số 27 phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M

14. Ông Nguyễn Bùi Q, sinh năm 1966; Địa chỉ thường trú: Số 240/10, Phạm Văn Chiêu, phường 9, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Có mặt)

15. Ông Nguyễn Bùi L, sinh năm 1964 (Chết năm 1981 không có vợ con);

16. Ông Nguyễn Bùi Ch, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

17. Ông Nguyễn Bùi H, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

18. Chị Ho Th V, sinh năm 1988 ; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 54/5 (Số mới 58/7) đường số 27 phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M

19. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 58/5, đường Lê Đức Thọ, Phường 06, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Có mặt)

20. Ông Nguyễn Văn Ho, sinh năm 1961 (Có đơn xin vắng mặt)

21. Chị Nguyễn Mai Tr, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ : 54/5A đường Lê Đức Thọ, phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M.

22. Ông Trần Thanh Nh, sinh năm 1956 (Có đơn xin vắng mặt)

23. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Số 1170/1 đường 3/2, Phường 12, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/08/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Mai L trình bày: Cha của bà là cụ Nguyễn Văn Hai chết năm 1978 (cha cụ Hai là cố Nguyễn Văn Phú, chết năm 1940, mẹ là cố Trần Thị Lộc, chết năm 1931) và mẹ của bà là cụ Phạm Thị Tám chết năm 1986 (cha cụ Tám là cố Phạm Văn Bổn chết 1954, mẹ là cố Lê Thị Sáu chết năm 1965). Cụ Hai, cụ Tám chết không để lại di chúc. Hai cụ có 11 (Mười một) người con chung gồm ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Lệ S, bà Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi L, ông Nguyễn Bùi H, ông Nguyễn Văn Ph, hai cụ không có con riêng hay con nuôi. Ngày 23/11/1959 ông Nguyễn Văn Hai được ông Huỳnh Văn Đầy và bà Phạm Thị Mè đứng bộ bằng khoán 633 làm giấy cho đức 910m^2 đất, có Hội đồng xã xác nhận. Sau đó ông Hai, bà Tám đã bán cho người họ hàng một phần, phần còn lại của gia đình sử dụng là diện tích đất khoảng 450 m^2 tọa lạc tại địa chỉ số 89/970 đường 26 tháng 3, phường 17 (số mới là 54/5 đường số 27, phường 6) Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M.

Khi hai cụ còn sống đã phân chia một phần phần diện tích 450m^2 nêu trên như sau:

1. Bà Nguyễn Lệ S được chia 78m^2 (Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

2. Ông Nguyễn Văn Ph được chia 38m^2 (Đã được cấp giấy chứng nhận);

3. Ông Nguyễn Văn V được chia 52m^2 (Đã được cấp giấy chứng nhận);

Phần còn lại là diện tích 238,9 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V đại diện đồng thừa kế đứng tên. Các anh em trong gia đình bà đều thống nhất chia phần đất còn lại này cho 07 người chưa được chia gồm bà Nguyễn Mai L, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P. Tuy nhiên do anh em trong gia đình có sự bất hòa đã nhiều năm, không thể ngồi lại với nhau được, nên sự việc cứ kéo dài đến nay. Trước đây bà L là công nhân viên chức lao động quốc phòng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên được công ty 28, Bộ Quốc phòng xét tặng nhà tình tH và chủ trương này của công ty cũng được sự đồng Thận của Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp, vì vậy đã có Quyết Đ cấp nhà tình tH số 1873/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp, nên năm 2006 vợ chồng bà được hỗ trợ tiền xây dựng căn nhà tình tH. Theo giấy cam kết đại diện cho đất ngày 18/10/2006, các đồng thừa kế đồng ý cho bà L phần đất có diện tích khoảng 40m^2 hiện bà đang sử dụng từ phần đất do ông V đại diện khai trình, căn nhà này hiện nay có số nhà 58/5A đường số 27, Phường 06, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M, Thành phố Hồ Chí M. Do anh em sau đó có sự bất hòa nên Ủy ban nói bà tự xây sửa, nên bà không có quyết Đ bàn giao nhà tình tH đến nay. Sau đó bà đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà nêu trên, nH bà Nguyễn Thị Th cản trở, không đồng ý hợp tác để bà L tách thửa phần đất mà bà đã được phân chia. Nên tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà được hưởng phần diện tích đất bà đang sử dụng khoảng 40m^2 trên tổng diện tích đất là 238,9 m$^{2.}$. Sau khi đo vẽ hiện trạng đất thì bà yêu cầu chia đất theo hiện trạng là 353 m^2, phần của bà được chia thừa kế là diện tích đất khoảng 40m^2 theo khuôn viên căn nhà bà L đang sử dụng là 35,9 m^2 và bao gồm cả 1m đường đi trước căn nhà bà đang sử dụng có chiều rộng mặt tiền theo chiều rộng mặt tiền nhà bà là 3,6m, trên tổng diện tích là 353m^2 theo bản vẽ hiện trạng vị trí, do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí M lập ngày 24/02/2020, nếu cơ quan cấp giấy chứng nhận chỉ chừa đường đi 2m thì bà L yêu cầu được hợp thức hóa luôn 1m đất trước nhà có chiều rộng theo mặt tiền nhà bà 3.6m. Bà cũng đồng ý phần diện tích đất còn lại sẽ được chia cho 6 người còn lại chưa được chia là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P. Bà L không

biết rõ vì lý do gì trong giấy khai sinh của bà P chỉ có mình tên mẹ không có tên cha nH bà cũng đồng ý chia cho bà P 1/7 của diện tích đất yêu cầu chia thừa kế. Ngoài ra, ông Nguyễn Bùi H còn đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho đại diện thừa kế là ông Nguyễn Văn V đi ký hợp đồng đặt cọc mua bán với ông Trần Thanh Nh từ năm 2014 để lấy 100.000.000 đồng, đến nay hai bên không mua bán được cũng không chuộc sổ về. Bà L cũng từng liên hệ với vợ chồng ông Nh, bà Đ để chuộc giấy chứng nhận nH vợ chồng ông Nh bà Đ yêu cầu trả cả gốc và lãi, số tiền lãi khoản gần ba mươi triệu, nên bà không có khả năng một mình bỏ số tiền ra để chuộc sổ về. Nay bà yêu cầu ông Nh, bà Đ phải trả cho anh em bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chi phí xem xét thẩm Đ tại chỗ, chi Đ giá tài sản, chi phí lập bản vẽ do bà L tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày trong lời khai, trong quá trình hòa giải, cũng như tại phiên Tòa: Bà Th thống nhất về mối quan hệ bố, mẹ, anh chị em trong gia đình. Thời gian chết của cha, mẹ, ông, bà nội ngoại của bà Th với ông V, ông L như bà L trình bày, cha mẹ bà không có con riêng và không có con nuôi. Bà Th thống nhất di sản thừa kế là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V đại diện đồng thừa kế đứng tên, diện tích đo vẽ theo hiện trạng thực tế là 353 m^2. Lúc cha bà còn sống đã cho bà S, ông Ph, ông V mỗi người một phần đất để cất nhà ở nên những người này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Còn lại bà và 6 người chưa được chia, nên bà đồng ý chia thừa kế theo thỏa Thận trước đó của các anh em trong gia đình là 7 người chưa được chia đất, phần diện tích đất hiện nay do Ông V đứng tên sẽ được chia đều cho bà L và 6 anh em còn lại gồm bà là Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P. Bà Th cũng đồng ý chia đều phần của bà P được hưởng bằng 1/7. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th có làm giấy ủy quyền cho con gái là chị Ho Th Vân, tại phiên tòa hôm nay bà xác Đ bà trực tiếp tham gia phiên tòa không ủy quyền cho chị Vân nữa. Sở dĩ lúc đó bà ủy quyền là do bà bị bệnh nay bà hết bệnh nên bà tham gia tố tụng. Đối với yêu cầu đòi giấy chứng nhận bà Th không có ý kiến, Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Lệ S, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P và người kế thừa quyền tố tụng của ông Nguyễn

Văn V là bà Nguyễn Nguyệt Th, anh Nguyễn Ngọc Tr, anh Nguyễn Ngọc Th, chị Nguyễn Ngọc Thủy Ti đều thống nhất với ý kiến của bà L về quan hệ nhân thân của mình với hai cụ Nguyễn Văn Hai và cụ Phạm Thị Tám, hai cụ không có con riêng và không có con nuôi. Các đương sự thống nhất thời gian chết của cha, mẹ, ông, bà nội ngoại của bà Th với ông V, ông L như bà L. Đồng ý chia thừa kế phần đất do ông V là đại diện thừa kế khai trình và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005, diện tích đo vẽ theo hiện trạng thực tế là 353 m^2 chia đều cho 7 người gồm bà Nguyễn Thị Th, Bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P. Giấy khai sinh của bà P mặc dù chỉ có mình tên mẹ là cụ Phạm Thị Tám, nH tất cả các đồng thừa kề đều đồng ý chia phần thừa kế của bà P bằng một suất thừa kế là 1/7. Về yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005, các đương sự không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Nguyễn Lệ S có ý kiến bà sẽ là người chịu trách nhiệm bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng thay cho ông H trả cho vợ chồng ông Trần Thanh Nh, bà Bùi Thị Đ để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong thời hạn đến cuối tháng 4/2022, hạn cuối cùng bà S thực hiện việc chuộc giấy chứng nhận là ngày 29/4/2022, bà S chuộc giấy về sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho đại diện 07 người được chia là ông Q hoặc ông M tạm giữ, sau đó trong 07 người ai có nhu cầu sử dụng giấy thì mượn sử dụng xong có trách nhiệm trả lại. Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đồng này.

Những người có quyền lợi và nghĩa liên quan khác gồm: Chị Ho Th Vân, Nguyễn Thị Kim Ha, cháu Nguyễn Ho Anh Thư và cháu Nguyễn Ho Long, chị Nguyễn Thị Hồng Cúc, anh Trần Thanh Tu, cháu Nguyễn Anh Tú trình bày chỉ ở cùng bà P không đóng góp gì trong việc xây dựng sửa chữa, không liên quan gì đến tài sản chia thừa kế, nên không có ý kiến và yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị Kim H trình bày chị là con của bà P, chị và 02 con của chị là cháu Nguyễn Anh Tuấn và Trần Ngọc Ngân, 3 mẹ con chị chỉ đứng tên nhờ trên địa chỉ sổ hộ khẩu nhà bà P, nH thực tế không ở địa chỉ trên, chị không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện chia thừa kế này, do không liên quan nên chị đề nghị tòa án không đưa chị và các con vào tham gia tố tụng, chị cũng đề nghị Tòa án có triệu tập chị thì gửi về địa chỉ nhà bà P.

Ông Nguyễn Văn Ho, chị Nguyễn Mai Tr trình bày chỉ ở cùng bà L không đóng góp xây dựng sửa chữa gì nên không liên quan gì đến tài sản chia thừa kế này, không có ý kiến và yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Văn Di chồng bà P, Tòa án đã triệu tập đến tòa để ghi lời khai nhiều lần nH ông không đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án ông Di đã chết, theo bà P và các con bà P đều khai chồng con bà chỉ ở cùng vời bà chứ không liên quan đến việc chia thừa kế của anh em trong gia đình bà, nên Tòa án không đưa ông Di vào tham gia tố tụng.

Ông Trần Thanh Nh là người ký hợp đồng đặt cọc mua bán căn nhà 54/5 đường Lê Đức Thọ, phường 17, Q Gò Vấp, Thành phố hồ Chí M (Nay là đường số 27, phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M) ngày 02/01/2014 với ông Nguyễn Bùi H. Ông đã đặt cọc cho ông H 100.000.000 đồng và do gia đình ông H có tranh chấp nên không tách thửa được phần của ông H bán cho ông và cũng không trả lại tiền cọc cho ông, nên ông đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005. Ông Nh không có ý kiến gì đối với sự việc tranh chấp thừa kế của gia đình ông H, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đặt cọc mua bán của ông với ông H trong vụ kiện này. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ kiện này, ông cũng đã có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi Tòa án hòa giải, xét xử.

Nguyễn Bùi L chết năm 1981 không có vợ con, ông L chết sau cụ Nguyễn Văn Hai (chết năm 1978) nên ông L là hàng thừa kế của cụ Hai. Ông L chết trước cụ Tám nên, nên Ph sinh quyền thừa kế của Nguyễn Bùi L là mẹ cụ Phạm Thị Tám (chết năm 1986), suất thừa kế của cụ Tám cũng được chia cho 10 người con của của cụ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Q Gò Vấp:

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa bà Nguyễn Mai L và bà bà Nguyễn Thị Th nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý, xác Đ đúng quan hệ tranh chấp, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự giải quyết vụ án từ việc ghi lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, theo quy Đ tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng:

Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy Đ của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu áp phí theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận Đ:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Mai L khởi kiện bà Nguyễn Thị Th về tranh chấp chia thừa kế, bà Th cư ngụ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M, do đó vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thời hiệu khởi kiện về chia thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Hai (chết năm 1978) và cụ Phạm Thị Tám (chết năm 1986) không để lại di chúc, đương sự nộp đơn khởi kiện năm 2018, căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 về thời hiệu chia thừa kế; nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP TANDTC và Điều 36 pháp- lệnh thừa kế năm 1990 và nghị quyết 02/1990/HĐTP ngày 19/10/1990 thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990, nên di sản của cụ hai và cụ Tám còn trong thời hiệu chia thừa kế theo quy Đ tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 26/11/2007 tại Phòng công chứng số 5 Thành phố Hồ Chí M, cũng như lời khai của các đượng sự tại Tòa đã thống nhất về hàng thừa kế gồm cha của cụ Nguyễn Văn Hai là cố Nguyễn Văn Phú chết năm 1940 không có giấy chứng tử và mẹ của cụ Hai là cố Trần Thị Lộc chết năm 1931 không giấy chứng tử. Cha của cụ Tám là cố Phạm Văn Bổn, chết năm 1954 không có giấy chứng tử và mẹ của cụ Tám là cố Lê Thị Sáu, chết năm 1965 không có giấy chứng tử, tại Tòa các đương sự khai các ông cố bà cố đều chết từ thời xa xưa nên trong gia đình nội ngoại không để ý đến vấn đề khai tử, do đó không có giấy chứng tử để nộp cho Tòa án, Tòa án đã ra quyết Đ yêu cầu cung cấp chứng cứ nH các đương sự không ai cung cấp được, Tòa án đã có công văn yêu cầu Sở tư pháp Thành phố hồ Chí M cung cấp thông tin về cha mẹ cụ Hai và cụ Tám nH sở tư pháp Thành phố Hồ Chí M cũng không tra cứu được do thiếu thông tin. Do đó, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện cha mẹ của cụ Hai vả cụ Tám đều chết trước các cụ nên không Ph sinh hàng thừa kế. Các con của cụ Hai và cụ Tám gồm 11 (Mười một) người con chung gồm ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Lệ S, bà Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Bùi L **(**chết năm 1981 không có vợ con) hai cụ không có con riêng hay con nuôi, các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều

thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia, trong quá trình giải quyết tại Tòa thể hiện ý chí của các đương sự đồng ý chia (Bút lục 331 - 344, 349 - 350, 414 - 418, 441 - 451). Về di sản thừa kế các đương sự thống nhất di sản là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 34, địa chỉ thửa đất 54/5 đường số 27, phường 17, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V là đại diện thừa kế khai trình

Về nội dung:

[1] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người trong hàng thừa kế và hồ sơ do Tòa án Th thập được, thể hiện Cụ Nguyễn Văn Hai (chết năm 1978) và cụ Phạm Thị Tám (chết năm 1986) không để lại di chúc, Hai cụ sinh được 11 (Mười một) người con chung gồm ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Lệ S, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Bùi L (chết năm 1981 không có vợ con) ông L chết sau cụ Hai nên được hưởng thừa kế của cụ, chết trước cụ Tám nên không được hưởng phần thừa kế của cụ Tám, suất thừa kế của ông L nhận từ cụ Hai chỉ có cụ Tám là người được hưởng, do đó nhập chung lại thì các đồng thừa kế của cụ Hai và cụ Tám đều được hưởng thừa kế của cụ Hai và cụ Tám phần bằng nhau. Nay bà L yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà được hưởng phần diện tích đất bà đang sử dụng khoảng 40m^2 trên tổng diện tích đất theo bản vẽ hiện trạng thể hiện diện tích thực tế là 353.0 m^2, Bà chỉ yêu cầu chia đất không yêu cầu chia nhà. Căn cứ công văn 274/TTĐĐBĐ ngày 01/3/2020 của đơn vị đo vẽ là trung tâm đo đạc bản đồ - sở tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí M xác Đ toàn bộ diện tích nhà và đất trên bản đồ do trung tâm đo đạc đều Thộc bằng khoán 633 do ông Huỳnh Văn Đầy và bà Phạm Thị Mè đứng bộ. Việc áp ranh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp Thành phố Hồ Chí M cấp ngày 14/01/2005, Căn cứ bản vẽ sơ đồ nhà đất dùng để cấp giấy chứng nhận do Công ty dịch vụ công ích Q Gò Vấp lập được Tòa án trích lục tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Q Gò Vấp thể hiện như sau (BL392):

Kích thước cạnh phía Tây Bắc trên giấy chứng nhận là 8.00m kiểm tra lại 7.01m.

Diện tích thể hiện trên giấy chứng nhận là 238,9m^2, diện tích tính lại theo kích thước hình thể trên giấy chứng nhận 354.0m$^{2.}$

Về hình dạng hiện trạng thực tế so với giấy chứng nhận tương đối phù hợp.

Về kích thước các cạnh:

Phía đông Bắc giáp nhà 58/5, hiện trạng là 13.67 m^2, giấy chứng nhận là 13,74 m^2.

Phía Tây Nam hiện trạng là 6.29 m^2, giấy chứng nhận là 6.09 m^2.

Phía Tây Bắc hiện trạng là 22.92 m^2, giấy chứng nhận là 23.91 m^2.

Phía Đông Nam hiện trạng là 29.86 m^2, giấy chứng nhận là 29.85 m^2.

Tòa án nhân dân Q Gò Vấp đã có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cho biết có tính sai diện tích trên giấy chứng nhận hay không. Tại cộng văn số 2534 ngày 29/5/2019 Ủy ban đã trả lời diện tích trên giấy chứng nhận là chưa chính xác do sai sót trong quá trình tính toán, ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cũng yêu cầu các đồng thừa kế lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận để điều chỉnh diện tích theo thực tế (BL 391, BL 428). Do hiện nay ông Nguyễn Bùi H đang giao ông Trần Thanh Nh giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V vì đã ký hợp đồng đặt cọc mua bán với ông Trần Thanh Nh từ năm 2014 đến nay để lấy 100.000.000 đồng, đến nay hai bên không mua bán được cũng không chuộc sổ về nên bà L không có giấy chứng nhận để đi điều chỉnh. Chính vì gia đình anh em bất hòa nên mặc dù đã thống nhất phần diện tích còn lại thực tế theo bản đồ đo vẽ hiện trạng là 353.0 m^2 các đồng thừa kế đều đã thống nhất chia cho 07 người chưa được chia nH cũng không thể ngồi lại cử ai đó đứng ra làm và thống nhất với nhau về các khoản Thế phí, do đó sự việc kéo dài tới nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc tính sai diện tích có phần lỗi của cơ quan cấp giấy chứng nhận, nên không thể vì lý do này mà các đương sự kìm nhau, gây khó khăn cho nhau trong việc tách quyền sử dụng. Mặt khác yêu cầu của bà L chia thừa kế cho bà được hưởng phần diện tích đất bà đang sử dụng khoảng 40m^2 theo khuôn viên căn nhà bà đang sử dụng là 35,9m^2 , trường hợp khi bà tách thửa phần diệc tích đất mình được chia, nếu cơ quan cấp giấy chỉ chừa đường đi 2m thì bà yêu cầu được hợp thức hóa luôn 1m đất trước nhà có chiều rộng theo mặt tiền nhà bà 3.6m, yêu cầu này của bà L là chính đáng và phù hợp. Bởi lẽ căn cứ công văn số 226/QLĐT ngày 21/3/2019 (BL 408) về thông tin quy hoạch lộ giới phía Đông Bắc tiếp giáp với khu đất đang tranh chấp là 2m, nhà bà L ở vị trí đầu Ti tiếp giáp với ranh lộ giới này. Hơn nữa căn cứ bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 24/02/2020 do Trung tâm đo đạc bản đồ sở tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí M lập diện tích khu đất tranh chấp là 353m^2. Các đương sự đều thống nhất ý kiến toàn bộ diện tích đất thừa kế theo bản vẽ hiện trạng là gia đình anh em bà L đang quản lý sử dụng, không có các hộ L cận tranh chấp. Tòa án cũng đã yêu cầu cơ quan đo vẽ chia thử trên bản vẽ làm 7 phần nếu chừa ra một khoảng sân chung và vừa làm lối đi có chiều rộng của sân là 3m thì các bên đương sự còn được chia mỗi phần 37,7 m^2 (riêng phần trong cùng nhà bà Th đang ở không phải chừa đường đi còn được chia diện tích lớn hơn các phần khác là 47m). Còn nếu chia mà

chỉ chừa lối đi là 2m thì mỗi suất thừa kế cũng được trên 40m. Do đó yêu cầu của Bà Nguyễn Mai L có Cơ sở chấp nhận.

[2] Bà L và các đồng thừa kế cũng đồng ý chia đất không yêu cầu chia nhà, phần diện tích đất còn lại sẽ được chia cho 6 người còn lại là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P mỗi người 1/6, sự tự nguyên của các đương sự. Tuy nhiên đất này hiện nay trên đất còn vướng ngôi nhà của bà P, nhà của bà Th đang ở và ngôi nhà thờ của cụ Hai và cụ Tám để lại, trong quá trình làm việc tại tòa, cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự cũng chưa thống nhất được việc giải phóng mặt bằng để chia đất theo hiện vật. Mặt khác căn cứ quyết Đ 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí M việc tách thửa phải hình thành đường giao thông, hạ tầng kỹ Thật như hệ thống điện, nước… nên việc chia thừa kế theo phần bằng hiện vật cho các đương sự sẽ khó có thể thi hành được, do đó đối với các suất thừa kế của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P mỗi người sẽ được hưởng 1/6 giá trị tài sản còn lại. Trường hợp 6 đương sự này muốn tách thửa hay đứng tên chung trên giấy thì cần đáp ứng đủ các điều kiện của cơ quan cấp giấy chứng nhận. Như vậy phần tài sản các đương sự được chia theo giá trị được tính như sau, mỗi người là 1/7, căn cứ biên bản Đ giá ngày 29/7/2020 tổng giá trị diện tích đất 353m^2 x 35.000.000đồng/m^2 = 12.355.000.000 (Mười hai tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng: 7 = 1.765.000.000 đồng.

[3] Về người có công sức trông coi giữ gìn di sản, các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án xem xét, các đương sự thống nhất 10 người con của cụ Hai và cụ Tám người ở trực tiếp, người không ở trực tiếp trên đất cũng đi lại thường xuyên nên không tính công ai hơn ai. Riêng bà S có bỏ tiền ra đóng Thế đất cho khu đất nhiều năm, thậm chí cả việc lo tang ma, cúng giỗ cho cha mẹ bà cũng có công sức, bà cũng không có ý kiến và yêu cầu gì, bà S và các đương sự thống nhất chia di sản trên cho 7 người anh em chưa được chia. Sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà L buộc ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ phải trả cho anh em bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do ông V đại diện thừa kế khai trình cho cả 10 anh em còn lại khác gồm ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Lệ S, bà Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Mai L, ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Bùi, ông H đặt cọc mua bán, không có sự đồng ý chứng kiến của các anh em mà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân

dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 giao cho ông Nh, bà Đ là không hợp pháp nên cần buộc ông Nh, bà Đ phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận theo quy Đ tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp ông Nh, bà Đ không tự nguyện giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005, thì bà L được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành. Hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy Đ tại Điều 45 Luật thi hành án dân sư sửa đổi bổ sung năm 2014 mà ông Nh, bà Đ vẫn không thi hành thì bà L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho thửa đất số 06, tờ bản đồ số 34 địa chỉ thửa đất 54/5 đường số 27, phường 17 (nay là phường 6) Q Gò Vấp)

[5] Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền đăt cọc của vợ chồng ông Nh bà Đ với ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên Tòa án không xem xét giải quyết, sau này có Ph sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Lệ S thay ông H bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng trả cho ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005, hạn cuối trả tiền là ngày 29/4/2022. Bà S chuộc giấy về sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho đại diện 07 người được chia là ông Q hoặc ông M, sau đó trong 07 người ai có nhu cầu sử dụng giấy thì mượn sử dụng xong có trách nhiệm trả lại. Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này, sau này có Ph sinh tranh chấp bà sẽ kiện bằng vụ kiện khác.

[7] Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về người có công sức trông coi giữ gìn di sản, các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án xem xét, các đương sự thống nhất 10 người con của cụ Hai và cụ Tám người ở trực tiếp, người không ở trực tiếp trên đất cũng đi lại thường xuyên nên không tính công ai hơn ai. Riêng bà S có bỏ tiền ra đóng Thế đất cho khu đất nhiều năm, thậm chí cả việc lo tang ma, cúng giỗ cho cha mẹ bà cũng có công sức, bà S không có ý kiến và yêu cầu gì.

[8] Về chi phí xem xét thẩm Đ tại chỗ, chi Đ giá tài sản, chi phí lập bản vẽ do bà L tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[10] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí 64.950.000 đồng trên suất thừa kế mà mình được chia theo giá trị là 1.765.000.000 đồng, nH ông M, bà L, bà Th, bà P, ông Ch có đơn xin miễn án phí do Thộc đối tượng người cao tuổi, riêng ông Ch Thộc hộ

nghèo có danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân phường 6 đã cung cấp nên được miễn án phí. Bà Nguyễn Mai L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi H mỗi người phải chịu án phí là 64.950.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT Đ:

Áp dụng:

- Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 93, Điều 95, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, 610, 612, 613, 614, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án năm 2009;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mai L về yêu cầu chia thừa kế và đòi lại tài sản.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Mai L chỉ nhận suất thừa kế của mình là diện tích đất theo khuôn viên căn nhà số 54/5A đường số 27, phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M, bà L đang sử dụng là 35,9m^2 (Trên tổng diện tích là 353m^2 theo bản đồ hiện trạng vị trí, do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hồ Chí M lập ngày 24/02/2020). Trường hợp khi bà L tách thửa phần diện tích đất mình được chia, nếu cơ quan cấp giấy chứng nhận chỉ chừa đường đi 2m thì bà L được hợp thức hóa luôn 1m đất hiện đang là lối đi trước nhà có chiều rộng theo mặt tiền căn nhà bà đang sử dụng là 3.6m.

2. Buộc ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V, ngay sau khi bản án có hiệu lực cho bà Nguyễn Mai L tạm giữ cho đến khi bà L làm thủ tục tách thửa nhà mình xong bà L có trách nhiệm bàn giao lại giấy chứng nhận trên cho ông Nguyễn Văn M hoặc ông Nguyễn Bùi Q tạm giữ.

3. Ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đồng đã giao cho ông H, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này có Ph sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Lệ S thay ông H bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng trả cho ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005, hạn cuối trả tiền là ngày 29/4/2022. Bà S chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về sẽ giao lại cho đại diện 07 người được chia là ông Q hoặc ông M tạm giữ, sau đó trong 07 người ai có nhu cầu sử dụng giấy thì mượn sử dụng xong có trách nhiệm trả lại. Bà Nguyễn Lệ S không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đồng này, sau này có Ph sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Trường hợp bà bà Nguyễn Lệ S không thay ông H bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng trả cho ông Trần Thanh Nh và bà Bùi Thị Đ, thì ông Nh bà Đ vẫn phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V cho bà Nguyễn Mai L tạm giữ cho đến khi bà L thực hiện xong việc làm giấy chứng nhận cho thửa đất mình được chia thừa kế.

5. Trường hợp ông Nh, bà Đ hay bất cứ đương sự nào không tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho bà Nguyễn Mai L, thì bà L được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành. Hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy Đ tại Điều 45 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 mà ông Nh, bà Đ hoặc đương sự nào giữ giấy vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, để bà L thực hiện việc tách thửa cho thửa đất của mình được chia thừa kế tọa lạc trên căn nhà bà L đang sử dụng có số nhà 54/5A đường số 27, phường 6, Q Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M. Thì bà L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới cho thửa đất số 06, tờ bản đồ số 34 địa chỉ thửa đất 54/5 đường số 27, phường 17 (nay là phường 6) Q Gò Vấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00026/26875 do Ủy ban nhân dân Q Gò Vấp cấp ngày 14/01/2005 cho ông Nguyễn Văn V không còn giá trị.

6. Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền đặt cọc giữa ông Nh, bà Đ với ông H sau này có Ph sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

7. Ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P mỗi người được chia một suất thừa kế là 1/7 theo giá trị tạm tính theo biên bản Đ giá ngày 29/7/2020 tổng giá trị diện

tích đất 353m^2 x 35.000.000đồng/m^2 = 12.355.000.000 (Mười hai tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng: 7 = 1.765.000.000 đồng. Trường hợp 6 đương sự này muốn tách thửa hay đứng tên chung trên giấy chứng nhận thì cần đáp ứng đủ các điều kiện theo quy Đ của cơ quan cấp giấy chứng nhận.

8. Về chi phí Đ giá tài sản, chi phí lập bản vẽ bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

9. Về án phí:

Bà Nguyễn Mai L, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Bùi Q, Nguyễn Bùi Ch, ông Nguyễn Bùi H, bà Nguyễn Kim P mỗi người phải chịu án phí là 64.950.000 đồng, nH ông M, bà L, bà Th, bà P, ông Ch có đơn xin miễn án phí do Thộc đối tượng người cao tuổi, riêng ông Ch Thộc hộ nghèo có danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân phường 6 đã cung cấp nên được miễn án phí.

Ông Nguyễn Bùi Q, ông Nguyễn Bùi H mỗi người phải chịu án phí là 64.950.000 đồng.

Bà Nguyễn Mai L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 16.000.0000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001011 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Q Gò Vấp.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy Đ của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình